

通園・通学証明書 令和8年度用

ベトナム語



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐANG ĐI KÈM HỌC (DÀNH CHO NIÊN ĐỘ REIWA 8)

裏面の記入要領を確認し、下記の該当する箇所を記入してください。
Hãy tham khảo hướng dẫn viết ở mặt sau và điền vào những chỗ tương ứng bên dưới

① 保護者記入欄 Phần phụ huynh ghi	児童名 Họ tên trẻ		生年月日 Ngày tháng năm sinh		学齢 Tuổi học đường		園名 Tên nhà trẻ	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Tuổi của trẻ		園 Trường	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Tuổi của trẻ		園 Trường	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Tuổi của trẻ		園 Trường	
	付添い者氏名 Họ tên người đi kèm							
	児童からみた付添い者の続柄 Mối quan hệ giữa trẻ và người đi kèm (nhìn từ phía trẻ)		☐ 1 父 ☐ 2 母 ☐ 3 祖父 ☐ 4 祖母 ☐ 5 その他 () 1 Bố 2 Mẹ 3 Ông 4 Bà 5 Khác ()					
	1	付添いを必要とする者。 Người cần thiết đi kèm theo	氏名 Họ tên					
			生年月日 Ngày tháng năm sinh		☐ 平成/ Năm Heisei ☐ 令和/ Năm Reiwa		年 月 日 Năm Tháng Ngày	
			児童との続柄 Mối quan hệ với trẻ		☐ 兄 ☐ 姉 ☐ 弟 ☐ 妹 ☐ その他 () Anh trai Chị gái Em trai Em gái Khác ()			
	2	園・通学施設名 Tên cơ sở giáo dục, trường mẫu giáo đang theo học						
3	平均通園・通学日数/時間 Số ngày/ số giờ bình quân đi học	☐ 1. 60 時間以上 140 時間未満 ☐ 2 140 時間以上 ☐ 1. Từ 60 tiếng trở lên và dưới 140 tiếng ☐ 2. Từ 140 tiếng trở lên				月間 時間 Tháng giờ		月間 日 Tháng ngày
4	付添い時間 (1 日平均) Thời gian đi kèm (bình quân 1 ngày)	午前/AM Buổi sáng/AM		時 分 ~ 時 分まで Từ giờ phút ~ đến giờ phút		計 時間 Tổngtiếng (giờ)		保育要件は 60 時間以上 / 月 ※就労要件と合わせて 60 時間以上でも可 Điều kiện chấp nhận gửi trẻ là từ 60 tiếng trở lên ※ có thể thỏa mãn điều kiện tương đương là làm việc 60 tiếng.
		午後/PM Buổi chiều/PM		時 分 ~ 時 分まで Từ giờ phút ~ đến giờ phút		計 時間 Tổngtiếng (giờ)		
5	付添い期間 Thời gian đi kèm	令和 年 月 日 から 令和 年 月 日 まで Từ Năm Reiwa Tháng Ngày đến Năm Reiwa Tháng Ngày						
6	備考 (参考になる事項) Ghi chú (những khoản mục tham khảo)							
上記のとおり付き添うことを申し立てます。 Như đã nêu ở phía trên, tôi xin cam đoan đang đi kèm học.								
令和 年 月 日 申立者氏名/ Họ tên người kê khai: Năm Reiwa Tháng Ngày								
② 施設 (学校) 記入欄 Mục dành cho cơ sở (trường học) ghi	上記のとおり相違ありません。 令和 年 月 日 (証明者)							
	施設(学校)所在地: 施設(学校)名: 施設(学校)長名: 担当者氏名: 電話番号:							

裏面に記入要領を記載していますので、必ず確認をお願いします。
Hãy tham khảo kỹ hướng dẫn viết ở phía mặt sau.

園記入欄 Phần ghi của trường mẫu giáo	園コード	整理番号	学齢	歳児	受付日	令和 年 月 日
	提出理由	1. 入園希望 2. 要件変更 3. 時間外保育等の利用 4. その他 ()				

[F Hướng dẫn cách ghi Giấy chứng nhận đang đi kèm học]

Gửi tới đại diện trường học

Giấy chứng nhận này nhằm mục đích để trường mầm non nắm bắt tình trạng gia đình của trẻ.

Hãy kiểm tra nội dung mà người giám hộ của trẻ đã kê khai, và hãy ghi tên xác nhận.

Gửi tới phụ huynh

• Giấy chứng nhận này nhằm mục đích để trường mầm non nắm bắt tình trạng gia đình của trẻ.

Hãy điền những nội dung cần thiết và nộp một tờ cho mỗi người đệ đơn.

• Trường hợp phát hiện bất kỳ nội dung không đúng với sự thật trong tờ khai này, trẻ sẽ bị ngừng học ngay trong năm.

• Trường hợp phát sinh những thay đổi so với nội dung tờ khai, hãy báo ngay cho trường mầm non.

• Có những nội dung liên quan đến thông tin cá nhân nên nếu cần hãy cho vào phong bì trước khi nộp.

• Để quản lý tính chân thực của thông tin, có trường hợp chúng tôi sẽ liên lạc với trường học để xác minh nội dung ghi trên.

• Những nội dung được ghi sẽ chỉ được dùng phục vụ mục đích xác minh điều kiện tiêu chuẩn nhập trường.

Hãy xem nội dung dưới đây về cách ghi.

<① Mục dành cho phụ huynh>

Họ tên trẻ, tên người đi kèm

Đối với tên trường mầm non, hãy ghi tên trường hiện đang học nếu đang học, hoặc ghi tên nguyện vọng đầu tiên trong trường hợp dự kiến nhập học hoặc chuyển trường mới.

Trường hợp trẻ có anh chị em cùng học mẫu giáo, hãy ghi tên tất cả các trẻ vào mục họ và tên trẻ (không cần phải nộp nhiều tờ).

Tuy nhiên, trường hợp có cả trẻ đang đi học và trẻ sắp nhập học mà xin giữa năm thì cần nộp giấy xác nhận cho cả trường hiện tại và Phòng Chăm sóc Trẻ em. (có thể dùng bản copy)

Nội dung đi kèm

1- 2 Những giấy tờ cần nộp kèm

Hãy điền thông tin về những trẻ cần người đi kèm

3-5 Thời gian đi kèm

Hãy ghi giờ, khoảng thời gian

6 Ghi chú

Lưu ý ghi đầy đủ các nội dung trong mục 1 đến mục 7.

Ngày điền đơn, họ tên người viết đơn

Người nộp đơn hãy trực tiếp ghi ngày viết đơn và kí tên. Sau khi kí tên, hãy yêu cầu trường học xác nhận.

<② Mục dành cho cơ sở đào tạo (trường học)>

Người xác nhận (của trường học) ký tên (không cần đóng dấu).

(Liên hệ) Phòng Chăm sóc trẻ em Chính quyền Thành phố Toyota (gọi trực tiếp) 0565-34-6809